

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày: 28/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Lê Thụy – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuy Phong

2. Ông Ngô Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện Tuy Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp - Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2019/HSST, ngày 17/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Thị L** (Tên gọi khác là B), Giới tính: Nữ; Sinh năm 1997; Nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Đỗ Văn H (sinh năm 1965); Mẹ: Phạm Thị Bích C; Anh, chị, em ruột: có 05 người (Lớn nhất sinh 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997); Chồng: Đoàn Phi D (sinh năm 1994); Con: 01 người, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/4/2019, hiện đang tại ngoại ở khu phố S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người bị hại: Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2018 bà Phạm Thị Bích C có cho bà Nguyễn Thị E vay số tiền 2.000.000 đồng, tiền góp mỗi ngày là 40.000 đồng, thời gian góp là 55 ngày, tổng cộng tiền gốc và lãi là 2.200.000 đồng. Lúc khoảng 18 giờ ngày 27/11/2018 bà E đang đứng trên đường NBK, thị trấn P gần nhà bà Châu Thị Đ ở khu phố M, thị trấn P thì bà C đến gặp bà E để đòi tiền góp hàng ngày, do mâu thuẫn về số ngày góp tiền dẫn đến bà C và bà E cãi nhau. Bà C gọi điện thoại cho con ruột là Đỗ Thị L biết sự việc. L điều khiển xe mô tô chở chị ruột là bà Đỗ Thị F đến nơi bà C và bà E cãi nhau, L hỏi bà E “bà muốn sao”, bà E nói lại “muốn sao là sao” rồi quay lưng bỏ đi. L gỡ mũ bảo hiểm đang đội trên đầu đánh từ phía sau vào đầu bà E, bà E quay lại chụp chiếc ghế nhựa nhỏ màu đỏ, loại có lưng tựa ném lại thì L, bà F và bà C cùng xông vào giằng co với bà E nhưng được hàng xóm can ngăn không ai bị thương tích gì, bà C, F và L chạy vào nhà bà Đ. Do trong lúc giằng co với bà E áo của L bị rách nên L mượn chiếc áo khoác màu xanh của bà Nguyễn Thị G là con dâu của bà Đ mặc khoác bên ngoài. Lúc này bà F dùng điện thoại di động gọi cho anh ruột ông Đỗ Văn I chạy xe mô tô đến, ông I cầm hung khí màu trắng dài khoảng 30 đến 40cm rượt đuổi đâm nhiều nhát vào người ông Nguyễn K là cha ruột của bà E nhưng ông K né tránh được. Thấy cha bị rượt đánh, bà E chụp ghế nhựa nhỏ màu đỏ loại có lưng tựa cầm trên tay chửi ông I, ông I quay lại bà E hoảng sợ bỏ chạy một đoạn thì bị vấp ngã té nằm ngửa trên đường nhựa NBK cách trụ cổng bên trái nhà bà Đ 6,50 mét, đầu quay về hướng đường hương lộ PBC. L từ trong nhà bà Đ chạy ra cầm con dao loại cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 20cm, mũi nhọn ở tay phải khom người nhá đâm vào vùng bụng của bà E nhưng bà E nằm lách người qua lại nên L đâm một nhát vào vùng gối phải của bà E gây thương tích. Đâm xong L cầm dao chạy vào đứng tại hàng ba nhà bà Đ, bà E được người đi đường cùng gia đình đưa đến bệnh viện điều trị thương tích. Bà Nguyễn Thị E có đơn yêu cầu khởi tố xử lý hình sự đối với hành vi của L.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 13/CN ngày 14/12/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận chứng nhận: Nguyễn Thị E vào viện lúc 21 giờ 15 phút ngày 27/11/2018 và ra viện lúc 9 giờ ngày 14/12/2018, tình trạng thương tích:

- Tại mặt trong khớp gối phải có một vết thương dài khoảng 04cm đã khâu cầm máu có dẫn lưu bằng dây dịch truyền.

- Xây sát vùng khuỷu tay phải.
- Nhiều vết bầm vùng trước trán.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80/2019/TgT ngày 22/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận, kết luận thương tích của Nguyễn Thị E:

- Sung nề, bầm tím vùng trán đỉnh đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Sây sát da vùng khuỷu tay phải hiện đang liền sẹo, kích thước: 2x1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.

- Vết thương mặt trong gò phải đang được điều trị hiện vết thương chưa lành, kích thước: 2,5 x 0,5cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể 3%
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 4%.
- Vết thương khuỷu tay phải do vật tày gây ra; Vết thương gò phải do vật sắc gây ra.
- Các vết thương có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.
- Hiện tại vết thương không để lại cố tật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 43/CT-VKS-TP ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong nhưng có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị L phạm tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị L mức án từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản kê khai các khoản chi phí và các hóa đơn chứng từ hợp lệ. Buộc bị cáo L phải bồi thường chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác cho bị hại Nguyễn Thị E theo quy định pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao cán đen vừa cán vừa lưỡi dài 21cm, mặt lưỡi rộng 2,5cm, mũi dao bầu nhọn; 01 nón bảo hiểm màu trắng có dây cài màu đen có chữ “Nón Sơn” .

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo L khai nhận khi đến nơi thấy bà E và bà C cãi nhau, bị cáo đang nói chuyện với bà E thì bị phía gia đình bà E hơn 20 người đè bị cáo xuống đất dùng tay, chân đánh đá vào người, bị cáo chỉ biết vùng vẫy và đưa nón bảo hiểm lên đỡ, khi thoát được thì chạy vào nhà bà Đ để trốn, khi thấy bà E bị ngã té thì bị cáo chạy ra chỗ bà E tay phải cầm vật gì không nhớ đâm bà E thương tích tại vùng gối, bị cáo thừa nhận có gây thương tích cho bà E nhưng hung khí gây thương có phải con dao thì bị cáo không nhớ. Tuy nhiên căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai người bị hại, lời khai của những người làm chứng có mặt tại hiện trường như bà O, bà Đ, bà G và X đều xác nhận rõ ràng thấy bị cáo L có cầm dao, đồng thời theo cơ chế hình thành vết thương do cơ quan giám định vết thương là vật sắc gây ra, vì vậy đủ cơ sở xác định bị cáo L đã cầm dao đâm bà E.

Riêng vết thương sâu sát da vùng khuỷu tay phải của bà E tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% là do bà E chạy bị vấp ngã nên không xem xét.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Cố ý gây thương tích, xảy ra vào khoảng hơn 18 giờ ngày 27/11/2018 tại khu phố M, huyện T, tỉnh Bình Thuận do bị cáo Đỗ Thị L cầm dao loại cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 20cm, mũi nhọn đâm vào vùng gối phải của bà Nguyễn Thị E gây tổn thương cơ thể 3%.

Vì vậy, Cáo trạng số 43/CT-VKS-TP ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố bị Đỗ Thị L phạm vào tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố chấp sử dụng con dao là hung khí nguy hiểm, bị cáo còn có tính hung hãn côn đồ, mặc dù bị hại đã sợ cố chạy bị vấp ngã khi thấy bị cáo cầm dao bị hại cố lách người để thoát thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục dùng đâm cho bằng được, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lợi không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lợi khai báo

tương đối thành khẩn, biết ăn năn hối cải, có xin lỗi người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp tiền bồi thường nhằm khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo 01 phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Xét thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ Luật hình sự, bị cáo là phụ nữ, có nhân thân rõ ràng, sau khi biết sai có dùng số tiền nộp để khắc phục một phần hậu quả, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo bên ngoài dưới sự giám sát của địa phương cũng đủ cho bị cáo suy ngẫm, răn đe và giáo dục bị cáo.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Lợi phạm tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về tang, vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã huyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong 01 con dao cán đen vừa cán vừa lưỡi dài 21cm, rộng mặt lưỡi 2,5cm, mũi dao bầu nhọn; 01 nón bảo hiểm màu trắng có dây cài màu đen có chữ “Nón Sơn”. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà E yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị cáo L phải bồi thường cho bà toàn bộ các chi phí điều trị vết thương do bị cáo L gây ra có bản kê hóa đơn thuốc và chứng từ kèm theo với tổng số tiền 154.444.260 đồng. Trong đó: Tiền mất thu nhập 210 ngày x 300.000đ/ngày = 63.000.000đ; Tiền ăn uống của bà 210 ngày x 150.000/ngày = 31.500.000đ; Tiền thuê phương tiện đi lại và tiền ăn của người nuôi bệnh 13.160.000đ; Chi phí khám chữa bệnh 46.784.260đ và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật.

Xét thấy, đối với tiền mất thu nhập bị hại bà E kê khai 210 ngày x 300.000đ/ngày = 63.000.000đ, việc bà E xác nhận 210 ngày công lao động, HĐXX chỉ chấp nhận 183 ngày (tính đến ngày 28/5/2019) nhưng đối với tiền công mỗi ngày 300.000đ đối với phụ nữ bà E đưa ra là không hợp lý nên chỉ chấp nhận 150.000đ/ngày bằng công lao động trung bình của người phụ nữ, vì vậy nên chấp tiền mất thu nhập là 183 ngày x 150.000đ/ngày = **27.450.000đ**; Tiền ăn uống bà Hằng thống kê 31.500.000đ, xét thấy nếu như bà Hằng không bị nạn thì ở nhà bà

vẫn phải chi phí ăn bình thường nên yêu cầu không có căn cứ chấp nhận; Tiền phương tiện đi lại và tiền ăn của người nuôi bệnh bà E thông kê (Ngày 29/5/2019) là 13.160.000đ nhưng sau khi đối chiếu tính lại chỉ còn 12.530.000đ (Do bà E cộng nhầm), trong đó tiền ăn là 3.450.000đ và tiền xe 9.080.000đ, xét thấy tiền chi phí ăn uống bà E đưa ra là không hợp lý như đã phân tích ở trên nên không có sở sở chấp nhận, còn tiền xe đi lại bà E đưa ra có cái có hóa đơn, có cái không có hóa đơn nhưng có hóa đơn bà E kê bất hợp lý như kê quá cao so với thực tế nên cũng phải điều chỉnh cho phù hợp thực tế, vì vậy chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu này của bà E là **1.450.000đ** tiền tàu xe; Đối với chi phí khám chữa bệnh bà E thống kê, có một số hóa đơn bà kê khai hợp lệ, một số thì không hợp lệ, do không có con dấu của nơi cấp hóa đơn và có hóa đơn không ghi số tiền, sau khi tính toán chi phí tiền khám chữa bệnh có hóa đơn hợp lệ thì chỉ còn **25.590.000đ** và chấp nhận số tiền này; Đối với yêu cầu tổn thất tinh thần, HĐXX xét thấy do vết thương nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể rất thấp chỉ có 3%, vết thương không để lại cố tật không có dấu hiệu tinh thần bị hoang man, nên không có căn cứ cho rằng bị tổn thất tinh thần hay hoang man về tư tưởng, vì vậy không chấp nhận yêu cầu này của bà E.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy nên chấp nhận 01 phần yêu cầu của bị hại. Buộc bị cáo L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị E số tiền **54.490.000đ** các khoản chi phí hợp lệ. Còn các khoản còn lại bà Hằng yêu cầu không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Thị L** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Thị L 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12** (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lợi cho UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 590 và Điều 357 của Bộ Luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị E số tiền **54.490.000đ** khi quyết định có hiệu pháp luật.

Tạm giữ số tiền bị cáo tạm nộp **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0002314 ngày 05/6/2019 và **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0002326 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy

Phong để đảm bảo cho việc thi hành án.

Khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao cán đen vừa cán vừa lưỡi dài 21cm, rộng mặt lưỡi 2,5cm, mũi dao bầu nhọn; 01 nón bảo hiểm màu trắng có dây cài màu đen có chữ “Nón Sơn” (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tuy Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo L phải nộp **200.000** đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **2.724.500đ** (Hai triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo; người bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy